TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 728/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quí – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số*:* 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 299/2017/QĐST-HPT ngày 13/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1981; cư trú tại: 185/55 BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Dương Hoài T, sinh năm: 1977; cư trú tại: 185/55 BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: bà và ông Dương Hoài T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 135/KH, quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2004.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà sống rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T cờ bạc gây nợ nần, bỏ bê gia đình, ngoài ra ông T còn lăng nhăng trai gái bên ngoài. Bà đã nhiều lần nói

chuyện với ông T và cho ông thời gian để thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Do buồn chuyện vợ chồng nên có thời gian bà cũng đã có quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau 03 (ba) năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông T có với nhau 02 (hai) con chung là trẻ Dương Nguyễn Hoài D – Sinh ngày: 29/10/2001 và trẻ Dương Nguyễn Hoài T – Sinh ngày: 19/5/2006. Hiện nay bà làm việc trong nhóm đờn ca tài tử do tính chất của công việc nên bà thường phải làm việc từ chiều cho đến khuya và đôi khi phải đi tỉnh vài ngày mới về nhà. Vì vậy, bà sẽ giao hai con chung cho ông T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 10/8/2017 ông Dương Hoài T, trình bày: những lời trình bày của bà A về vấn đề kết hôn và con chung là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Lúc đó bà A ở nhà buôn bán. Đến năm 2015, bà A chuyển qua làm nghề đờn ca tài tử thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà A bỏ bê gia đình, đi cả ngày lẫn đêm và có khi đi không về. Hơn nữa bà A còn có người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay lục đục, không hạnh phúc. Ông đã nhiều lần cố gắng nói chuyện và hàn gắn tình cảm với bà A nhưng bà A đều lạnh nhạt. Vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau 03 (ba) năm nay. Nay ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: trong quá trình chung sống ông và bà A có với nhau 02 (hai) con chung là trẻ Dương Nguyễn Hoài D – Sinh ngày: 29/10/2001 và trẻ Dương Nguyễn Hoài T – Sinh ngày: 19/5/2006.

Giả sử trong trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Dương Nguyễn Hoài D và trẻ Dương Nguyễn Hoài T và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Theo lời trình bày của các đương sự nhận thấy vợ chồng bà A và ông T đã không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân ba năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn

giữa bà A và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà A được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao hai trẻ Dương Nguyễn Hoài D – Sinh ngày: 29/10/2001 và trẻ Dương Nguyễn Hoài T – Sinh ngày: 19/5/2006 cho ông T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 135/KH, quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2004 thì bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Dương Hoài T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà A có đơn xin ly hôn với ông T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Dương Hoài T tham gia phiên tòa nhưng ông Dương Hoài T vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…". Tuy nhiên, theo như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc A tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử nhận thấy: trong thời gian bà A và ông T sống chung với nhau giữa hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là cả hai không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng không giữ được sự chung thủy với nhau. Từ ba năm nay thì ông T và bà A đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ. Tuy nhiên, trong suốt ba năm vợ chồng sống ly thân ông T cũng đã không có biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông T cũng chỉ đến một lần. Điều này chứng tỏ ông T cũng không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng với bà A.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà A và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Dương Hoài T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung:

Bà A và ông T có với nhau 02 (hai) người con chung tên là: Dương Nguyễn Hoài D – Sinh ngày: 29/10/2001 và trẻ Dương Nguyễn Hoài T – Sinh ngày: 19/5/2006. Bà Ngọc A giao hai con chung cho ông T nuôi dưỡng, ông T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, theo như bà A trình bày thì hiện nay bà làm việc trong nhóm đờn ca tài tử thường xuyên đi làm về khuya, đôi khi còn phải đi lưu diễn ở tỉnh vài ba ngày mới về nhà. Do vậy, điều kiện chăm sóc con là không đảm bảo. Ông T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của hai trẻ D và T thì hai trẻ cũng có nguyện vọng sống chung với cha. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao hai trẻ D và T cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc A nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Dương Hoài T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 135/KH, quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Dương Hoài T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ 02 (hai) trẻ Dương Nguyễn Hoài D – Sinh ngày: 29/10/2001 và trẻ Dương Nguyễn Hoài T – Sinh ngày: 19/5/2006 cho ông Dương Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Hoài T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Hoài T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị Ngọc A đến thăm nom chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết

đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

4. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc A nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027756 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Dương Hoài T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân Phường M, Quận F
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn